TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 76/2022/DS-ST
Ngày: 18 - 11 - 2022
V/v tranh chấp "Thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Kim Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Ánh

2. Ông Lê Minh Thư

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Hữu Trí - là Thư ký của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2020/TLST-DS ngày 30 tháng 6 năm 2020 về tranh chấp: "*thừa kế quyền sử dụng đất và tài sản trên đất"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 95/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Chị **L**, sinh năm 1977 (có mặt).

1.2. Chị **D**, sinh năm 1980.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của chị D là ông K, sinh năm 1962. Địa chỉ:, đường P, phường X, thành phố L, tỉnh Vĩnh Long là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 24/4/2020) (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị L, chị D là ông H - Luật sư - Trưởng Chi nhánh - Chi nhánh Công ty Luật TNHH C & Cộng sự tại Vĩnh Long (có mặt).

2. Bị đơn: Anh **V**, sinh năm 1989 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Chị **N**, sinh năm 1971 (có mặt).

Địa chỉ: khóm Y, phường X, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

3.2. Anh **N1**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: tổ 15, ấp K, xã T, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

3.3. Anh **N2**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.4. Anh **N3**, sinh năm 1982 (vắng mặt).

Địa chỉ: T, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.5. Anh **N4**, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.6. Ông **A**, sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.7. Ông **A1**, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Cùng ĐC: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.8. Ông **A2**, sinh năm 1974 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.9. Anh **C**, sinh năm 1993 (xin vắng mặt).

HKTT: khóm Y, phường X, thị xã M, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

3.10. Chị **T**, sinh năm 1994 (xin vắng mặt).

HKTT: ấp D, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

Tạm trú: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 28/4/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn chị D là ông K trình bày:

Ông V, sinh năm 1951 (chết ngày 01/02/2009) và bà V1, sinh năm 1953 (chết ngày 27/5/2016). Ông V, bà V1 có tất cả là 8 người con, gồm: N, N1, N2, L, D, N3, N4 và V. Ông V, bà V1 chết không để lại di chúc, có để lại di sản thừa kế là thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, diện tích 71,0 m^2 do ông V đứng tên QSD đất; thửa đất này hiện tại đã bị Nhà nước thu hồi diện tích 48,3 m^2 theo Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P và đã bồi thường giá trị đất bằng 38.384.010 đồng. Sau khi bị thu hồi diện tích còn lại 22,7 m^2, hiện trên đất có căn nhà cấp 4, xây tường, nền lát gạch men, mái tol có đóng la phong có diện tích bằng với diện tích đất. Toàn bộ số tiền nhận bồi thường diện tích 48,3 m^2 là 38.384.010 đồng được sử dụng vào việc xây cất lại căn nhà hiện tại. Hiện tại, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 842 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện P giữ để chỉnh lý biến động sau khi thu hồi đất. Anh chị em của chị L, chị D đã nhiều lần thương lượng để chia thừa kế phần đất và nhà của cha mẹ để lại nhưng đều không thành. Nay chị L chị D yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế do ông V, bà V1 chết để lại thành 08 kỷ phần bằng nhau đối với diện tích còn lại 22,7 m^2 và nhà ở gắn liền trên đất theo giá trị do Hội đồng định giá đã định. Do diện tích nhà, đất nhỏ nên chị L

và chị D yêu cầu được nhận nhà đất; chị L và chị D hoàn lại giá trị kỷ phần cho các anh chị em còn lại.

- *Nguyên đơn chị L trình bày:* Chị thống nhất với ý lời trình bày của người đại diện hợp pháp của chị D. Theo chị giá trị phần đất tranh chấp là 2.000.000 đồng/m^2. Hiện nay căn nhà đang tranh chấp do vợ chồng anh C, chị T (là con của bà N) trực tiếp ở. Chị đồng ý cho vợ chồng C và T tiếp tục ở, chị không tranh chấp gì. Việc anh V yêu cầu chị và chị D trả số tiền 124.906.635 đồng chị không đồng ý vì số tiền này là tiền bồi thường nhà của cha mẹ và đã nhập vào để cất nhà lại như hiện nay.

- *Tại bản khai ngày 29/7/2020 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh V trình bày:*

Cha mẹ anh là ông V (chết ngày 01/02/2009) và bà V1 (chết ngày 27/5/2016) có tất cả là 8 người con, gồm: N, N1, N2, L, D, N3, N4 và V. Di sản mà cha mẹ anh để lại là thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, diện tích 71m^2, loại đất thổ, tọa lạc ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long do ông V đứng tên quyền sử dụng đất. Cha mẹ anh chết đều không để lại di chúc. Theo Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi phần đất có diện tích 48,3m^2 thuộc thửa 842 nêu trên và diện tích thực tế còn lại là 22,7m^2; Quyết định số 3335/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 thì hộ ông V được bồi thường về đất diện tích 48,3m^2 (thửa 842) là 38.384.010 đồng, số tiền này đã được chị L nhận. Ngoài ra, anh còn được nhận số tiền bồi thường nhà ở, vật kiến trúc bằng 124.906.635 đồng. Theo anh biết thì vào khoảng năm 1990 cha mẹ anh có nhận chuyển nhượng của ông A, địa chỉ: ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long một phần đất có diện tích khoảng 270m^2 (chiều ngang khoảng 27m, chiều dài khoảng 10m) liền kề với thửa 842 nêu trên, việc chuyển nhượng trên không có lập văn bản, gia đình anh đã thanh toán tiền mua đất và nhận đất quản lý sử dụng đến nay. Sau khi bị thu hồi đất thì diện tích thửa 842 thực tế còn lại là 22,7m^2 quá nhỏ để xây dựng nhà ở. Vì vậy, khi xây dựng lại nhà mới gia đình đã xây dựng trên diện tích 22,7m^2 của thửa 882 + diện tích khoảng 270m^2 đất mua nêu trên. Căn nhà được hoàn thành vào tháng 3/2020, nhà cấp 4 cấu tạo: mái lợp tol, nền lót gạch men, vách tường, cột bê tông cốt thép; diện tích xây dựng khoảng 378m^2 (chiều ngang trước 3,4m; chiều ngang sau 27m, chiều dài 34m). Chi phí xây dựng nhà nêu trên là 260.000.000 đồng, trong đó: anh đóng góp 124.906.635 đồng (tiền anh nhận bồi thường nhà) + 38.384.010 đồng tiền bồi thường đất, còn lại thì chị D và chị L đóng góp. Hiện căn nhà nêu trên anh là người quản lý, sử dụng. Anh thống nhất phân chia theo pháp luật di sản thừa kế của cha mẹ anh để lại thành 8 kỷ phần. Anh xin nhận giá trị (bằng tiền) 01 kỷ phần, đồng ý giao lại nhà đất cho chị L và chị D. Anh yêu cầu chị L và chị D trả lại anh số tiền 124.906.635 đồng mà anh bỏ ra để xây dựng nhà. Anh không đưa ra được giá trị phần đất tranh chấp.

- *Tại biên bản hòa giải ngày 07/8/2020 những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: anh N1, anh N2, anh N3 và anh N4 trình bày:* các anh thống nhất với ý kiến của chị L, chị D. Các anh đồng ý phân chia di sản thừa kế do ông V, bà V1 chết để lại thành 08 kỷ phần bằng nhau đối với diện tích còn lại 22,7 m^2 và nhà ở gắn liền trên đất. Các anh đồng ý giao nhà, đất cho chị L và chị D; chị L và chị D hoàn lại giá trị kỷ phần cho các anh chị em còn lại.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị N trình bày: chị là con ruột của ông V và bà V1. Sau khi cha mẹ chết, có để lại thửa đất gắn với căn nhà cấp 4; diện tích đất còn lại bao nhiêu chị không xác định rõ do trước đây Nhà nước có thu hồi một phần và phần đất cha mẹ mua của ông A. Chị thống nhất yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị L, chị D.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A2 trình bày: đất của ông thuộc thửa 843, tờ bản đồ số 9, diện tích 145m^2 (Nhà nước đã thu hồi 55,8m^2), loại đất thổ. Đối với phần đất giáp ranh giữa đất ông và đất ông V phía sau có chiều ngang khoảng 1m, chiều dài khoảng 3m là do ông A1 đứng tên quyền sử dụng đất; trước đây ông A là em ruột của ông A1 có hứa cho ông để ông mở cửa cho thoáng mát (bằng lời nói, không giấy tờ); ông không quản lý, sử dụng phần đất này. Nay ông không đồng ý yêu cầu của các con ông V yêu cầu ông trả phần đất chiều ngang khoảng 1m, chiều dài khoảng 3m; ông yêu cầu các chị em của chị L chứng minh đất này thuộc quyền sử dụng đất của mình. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A1 trình bày: Ông có đứng tên quyền sử dụng đất thửa 155, tờ bản đồ số 23 diện tích 7.606m^2, loại đất trồng cây lâu năm tọa lạc ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Đất của ông giáp ranh với đất ông V. Ông khẳng định gia đình ông V, hiện nay là các con ông V đã chiếm dụng một phần diện tích đất của ông (ông không xác định được diện tích và thời gian nào); ông hoàn toàn không chuyển nhượng cho ông V phần diện tích này. Ông không biết ông A có chuyển nhượng cho ông V hay không. Ông cũng không biết ông A có hứa cho ông A2 phần đất chiều ngang khoảng 1m, chiều dài khoảng 3m để ông A2 mở cửa. Trong vụ kiện tranh chấp giữa các con của ông V, ông không có ý kiến gì và cũng không tranh chấp gì. Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông A trình bày: Trước đây ông có cho vợ chồng ông V, bà V1 một phần đất giáp ranh với ông V (ông không xác định được thời gian nào và diện tích bao nhiêu); thời gian này đất do cha ông là ông H đứng tên quyền sử dụng đất; khi cho đất, vợ chồng ông V có đưa ông nhận 02 chỉ vàng. Từ đó đến nay gia đình ông V vẫn sử dụng phần đất này và không xảy ra tranh chấp gì. Đối với phần đất giáp ranh với đất ông A2 chiều ngang khoảng 1m, chiều dài khoảng 3m là phần đất ông cho ông V, bà V1; sau đó bà V1 cho ông A2 để ông A2 mở cửa cho thoáng mát (phần đất này do ông H đứng tên quyền sử dụng đất). Ông khẳng định ông chỉ cho ông V, bà V1 một phần đất mà không có việc mua bán đất vì thời điểm cho cha ông vẫn còn đứng tên quyền sử dụng đất.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C trình bày: Anh là con ruột của bà N; anh sống chung với ông V, bà V1 từ nhỏ cho đến nay. Anh được các dì, các cậu giao căn nhà để anh quản lý và thờ cúng ông bà. Việc tranh chấp nhà, đất của các dì, các cậu anh không có ý kiến và cũng không tranh chấp. Anh yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/7/2022 người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chị T trình bày: Chị và chồng là anh C được các dì và cậu chồng giao quản lý căn

nhà này. Chị không tranh chấp gì đối với căn nhà này. Chị yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

- *Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; không yêu cầu công sức đóng góp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

+ Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 609, 613, 623, 649, 650 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L và chị D, chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thửa 842 do cụ V và cụ V1 chết để lại và phần căn nhà trên thửa 842.

Công nhận cho chị L và chị D được quyền quản lý, sử dụng phần đất thửa 842 có diện tích 71m^2, sau khi thu hồi còn lại 22,7m^2. Buộc chị L và chị D hoàn giá trị lại cho các đồng thừa kế là chị N, anh N1, anh N2, anh N3, anh N4, anh V mỗi người 46.898.200 đồng. Chị L, chị D được quyền kê khai, đăng ký lại phần đất thửa 842.

Đối với ý kiến của anh V yêu cầu chị L và chị D trả số tiền 124.906.635 đồng nhưng anh không có đơn yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc chị L, chị D, chị N, anh N1, anh N2, anh N3, anh N4, anh V mỗi người nộp 2.344.900 đồng. Chi phí khảo sát đo đạc và định giá: chị L và chị D tự nguyện nộp 1.400.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: nguyên đơn chị L và chị D khởi kiện yêu cầu bị đơn anh V chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất; phần đất tranh chấp thuộc huyện Bình Tân nên tranh chấp và quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân theo quy định tại khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Anh V có ý kiến yêu cầu chị L và chị D trả lại anh số tiền 124.906.635 đồng nhưng không nộp đơn yêu cầu và nộp tạm ứng án phí theo quy định pháp luật nên không có căn cứ xem xét.

Anh V, anh N1, ông A1, ông A2, anh C, chị T yêu cầu giải quyết vắng mặt. Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập anh N2, anh N3, anh N4, ông A tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng các đương sự vẫn vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Thời điểm, địa điểm mở thừa kế: Ông V (chết ngày 01/02/2009) và bà V1 (chết ngày 27/5/2016) là người có tài sản; nơi cư trú cuối cùng của ông V, bà V1 ở ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ vào Điều 611 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời điểm mở thừa kế là ngày 27/5/2016; địa điểm mở thừa kế là ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long.

[3.2] Thời hiệu thừa kế: Ông V chết ngày 01/02/2009, bà V1 chết ngày 27/5/2016. Ngày 28/4/2020 chị L và chị D (con ruột của ông V và bà V1 khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của ông V và bà V1 để lại. Theo quy định tại khoản 1 Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu là 30 năm (đối với bất động sản). Do đó thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế quyền sử dụng đất của chị L và chị D là còn trong thời hiệu khởi kiện.

[3.3] Hàng thừa kế: Ông V chết ngày 01/02/2009, bà V1 chết ngày 27/5/2016 có 08 người con đẻ (không có con nuôi), gồm: N, N1, N2, L, D, N3, N4 và V. Như vậy hàng thừa kế thứ nhất gồm có 08 người là: N, N1, N2, L, D, N3, N4 và V.

[3.4] Di sản thừa kế:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L và chị D.

Xét thấy phần đất tranh chấp thuộc thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, diện tích 71m^2, loại đất thổ, tọa lạc ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long do ông V đứng tên quyền sử dụng đất. Ông V chết ngày 01/02/2009, bà V1 chết ngày 27/5/2016, không để lại di chúc. Theo Quyết định số 3227/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P đã thu hồi phần đất có diện tích 48,3m^2 thuộc thửa 842 nêu trên. Do các đương sự và tứ cận không thống nhất được ranh mốc giới và cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh về việc tranh chấp ranh đất. Vì vậy diện tích tranh chấp được xác định theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sau khi trừ phần diện tích thu hồi. Như vậy di sản tranh chấp yêu cầu chia thừa kế là diện tích đất 22,7m^2 thuộc thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long do ông V đứng tên quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là vật kiến trúc trên đất (gồm: Mái che phía trước: khung cột tiền chế, mái lợp tol, không trần, nền láng xi măng; quy cách 7.40m x 3,10m. Nhà trước: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường: quy cách 3,10m x 6,60m. Nhà chính: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 3,65m x 5,20m. Nhà phía sau: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 6,60m x 9,60m. Nhà vệ sinh: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 6.0m x 3.0m); chị L, chị D và anh V xác định số tiền bồi thường đất 38.384.010 đồng và số tiền bồi thường nhà 124.906.635 đồng đã sử dụng vào việc xây dựng lại căn nhà, số tiền còn lại do chị Lvà chị D đóng góp để xây dựng như hiện

trạng L và người đại diện hợp pháp của chị D đề nghị chia làm 08 phần, không yêu cầu xem xét công sức đóng góp nên được chấp nhận. Như vậy, các tài sản trên được xác định là di sản của ông V và bà V1 để lại.

Do diện tích quyền sử dụng đất chia thừa kế rất nhỏ; chị L và chị D có công sức đóng góp trong việc gìn giữ, tôn tạo di sản thừa kế. Các đồng thừa kế thống nhất giao nhà và đất cho chị L và chị D tiếp tục sử dụng diện tích còn lại thửa 842 và căn nhà gắn liền trên đất. Vì vậy xem xét giao di sản thừa kế gồm diện tích đất 22,7m^2 thuộc thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, tọa lạc ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền trên đất là 01 căn nhà cho chị L và chị D được quyền sử dụng. Chị L và chị D có trách nhiệm hoàn lại giá trị cho các đồng thừa kế.

Đối với phần đất sau khi thu hồi diện tích còn lại là 22,7m^2, Tòa án có yêu cầu các đương sự cung cấp giá thị trường nhưng các đương sự không cung cấp được. Tòa án tiến hành xác minh thu thập giá thị trường nhưng không thu thập được. Chị L xác định giá thị trường tại địa phương là 2.000.000 đồng/m^2. Như vậy Hội đồng xét xử xác định giá trị đất là: 2.000.000 đồng/m^2 x 22,7m^2 = 45.400.000 đồng. Tại biên bản định giá tài sản ngày 07/9/2022 của Hội đồng định giá: phần vật kiến trúc trên đất (mái che phía trước, nhà trước, nhà chính, nhà phía sau, nhà vệ sinh) có tổng giá trị bằng 329.786.317 đồng. Như vậy tổng giá trị di sản bằng 375.186.317 đồng; được chia làm 08 phần bằng 46.898.200 đồng/01 suất (làm tròn số).

Buộc nguyên đơn chị L và chị D có trách nhiệm thanh toán giá trị một suất thừa kế cho các đồng thừa kế gồm N, N1, N2, N3, N4 và V mỗi người bằng 46.898.200 đồng.

Dành riêng cho chị L, chị D và các đương sự, các tứ cận giáp ranh thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Dành riêng cho các đương sự vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với phần diện tích đất có một phần căn nhà đã được giao cho chị L và chị D trực tiếp quản lý, sở hữu căn nhà nêu trên.

[4] Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: chị L và chị D tự nguyện nộp toàn bộ 1.400.000 đồng. Chị L và chị D đã nộp xong.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị N, anh N1, anh N2, anh N3, anh N4 và anh V mỗi người phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 2.344.900 đồng.

Buộc chị L và chị D phải chịu án phí 4.689.800 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011519 ngày 30/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu; chị L và chị D phải nộp thêm 4.389.800 đồng.

[6] Xét ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 609, 611, 612, 613, 623, 649, 650 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 165, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị L và chị D chia thừa kế theo pháp luật đối với phần đất thuộc thửa 842 do ông V và bà V1 để lại và phần căn nhà trên thửa 842.

2. Công nhận cho chị L và chị D được quyền quản lý, sử dụng phần đất thuộc thửa số 842, tờ bản đồ số 9, diện tích 71m^2, diện tích còn lại sau khi thu hồi 48,3m^2 (theo Quyết định thu hồi số 3227/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện P), loại đất thổ, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long và tài sản gắn liền trên đất là vật kiến trúc trên đất (gồm: Mái che phía trước: khung cột tiền chế, mái lợp tol, không trần, nền láng xi măng; quy cách 7.40m x 3,10m. Nhà trước: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường: quy cách 3,10m x 6,60m. Nhà chính: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 3,65m x 5,20m. Nhà phía sau: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 6,60m x 9,60m. Nhà vệ sinh: móng khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tol, không trần, nền lót gạch men, vách tường; quy cách 6.0m x 3.0m).

Chị L và chị D có trách nhiệm liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và chấp hành đúng quy hoạch, thu hồi đất của Nhà nước.

3. Buộc nguyên đơn chị L và chị D có trách nhiệm thanh toán giá trị một suất thừa kế cho các đồng thừa kế gồm N, N1, N2, N3, N4 và V mỗi người bằng 46.898.200 đồng (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm chín mươi tám nghìn hai trăm đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, mà người phải thi hành án chậm trả tiền thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Dành riêng cho chị L, chị D và các đương sự, các tứ cận giáp ranh thửa đất số 842, tờ bản đồ số 9, loại đất thổ, tọa lạc tại ấp P, xã L, huyện P, tỉnh Vĩnh Long một vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu.

Dành riêng cho các đương sự vụ kiện dân sự khác khi có yêu cầu giải quyết tranh chấp đối với phần diện tích đất có một phần căn nhà đã được giao cho chị L và chị D được trực tiếp quản lý, sở hữu căn nhà nêu trên.

4. Về chi phí tố tụng:

Chi phí khảo sát đo đạc, định giá: chị L và chị D tự nguyện nộp toàn bộ 1.400.000 đồng. Chị L và chị D đã nộp xong.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc chị N, anh N1, anh N2, anh N3, anh N4 và anh V mỗi người phải chịu án phí theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản được chia là 2.344.900 đồng (*Hai triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn chín trăm đồng*).

Buộc chị L và chị D phải chịu án phí 4.689.800 đồng. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0011519 ngày 30/6/2020 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân thu; chị L và chị D phải nộp thêm 4.389.800 đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND T. Vĩnh Long;
- VKSND H. Bình Tân;
- Chi cục THADS H. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu.